

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 16

102
CỔ
TRÁCH I
DỊCH
TÀI CH
VÀ K
NÀ
M I T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009, trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25 tháng 03 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của sở giao dịch chứng khoán TP.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, 144 Châu Văn Liêm, P.11, Q.5, TP.HCM.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Căn cứ quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công nhận là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Thái	Chủ tịch	Đến ngày 12/05/2009
Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/05/2009
Ông Bùi Văn Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2007
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Đến ngày 12/05/2009
Ông Lê Nam Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2009

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2009 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/05/2007
--------------------	---------------	--------------------------

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Quốc Khánh	Trưởng ban	Đến ngày 12/05/2009
Ông Võ Minh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/05/2009
Ông Trần Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2007
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2007

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Tiến Sĩ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2010





Số : 99./BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2009 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 02/02/2010 và được trình bày từ trang 06 đến trang 16 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Trong năm 2009, Công ty đang trong quá trình đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, hoàn tất các thủ tục để đủ điều kiện trở thành thành viên của 2 Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đến ngày 29/12/2009 và ngày 05/01/2010 Công ty chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội, do đó Công ty chưa phản ánh các khoản doanh thu từ hoạt động môi giới, hoạt động tài chính và các chi phí thành lập doanh nghiệp phát sinh đến ngày 31/12/2009. Các doanh thu và chi phí này sẽ được phản ánh vào năm 2010 vì đến ngày 05/01/2010 Công ty mới đủ điều kiện đi vào hoạt động. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục trên như thuyết minh tại mục V.2, V.5 và V.8 cũng như ảnh hưởng của các số dư này đến các chi tiêu trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 1266/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2010



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	25/03/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.370.468.807	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	28.086.742.007	-
1. Tiền	111		28.086.742.007	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.926.800	-
1. Phải thu của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		32.926.800	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		250.800.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		250.800.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.638.715.140	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.162.726.310	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.02	1.915.354.044	-
- Nguyên giá	222		1.915.354.044	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.03	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.04	3.247.372.266	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.475.988.830	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	3.163.708.830	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.06	120.000.000	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.07	192.280.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		37.009.183.947	-

D.102
CỔ
TRÁCH I
DỊCH
TÀI CH
VÀ K
HÀ
T. V. T.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	25/03/2009
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		2.009.183.947	-
I. Nợ ngắn hạn	310		2.009.183.947	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		900.281.440	-
3. Người mua trả tiền trước	313	V.08	466.696.167	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	42.533.350	-
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		77.010.000	-
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.10	522.662.990	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.11	35.000.000.000	-
I. Vốn chủ sở hữu	410		35.000.000.000	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		37.009.183.947	-

0537
 NG
 HIEM
 VU TI
 NH KI
 IEM T
 LA VI
 HO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	25/03/2009
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			50.00	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		-	-
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	-
6.6 Chứng khoán phong toả chờ rút	032		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người lập biểu

Huỳnh Thị Trúc

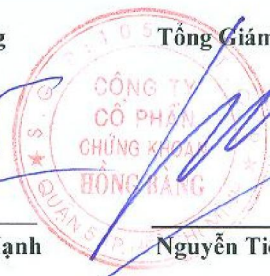
Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Sĩ



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

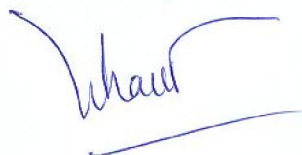
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-
Trong đó:			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		-
- Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-
- Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-
- Doanh thu lưu ký CK	01.6		-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-
- Doanh thu khác	01.9		-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-
8. Thu nhập khác	31		-
9. Chi phí khác	32		-
10. Lợi nhuận khác	40		-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Huỳnh Thị Trúc

Lê Thị Hồng Hạnh

Nguyễn Tiến Sĩ

Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế			-
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		-
- Các khoản dự phòng	03		-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-
- Chi phí lãi vay	06		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(596.006.800)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.009.183.947
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(3.163.708.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.750.531.683)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.162.726.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.162.726.310)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		28.086.742.007
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		28.086.742.007

Người lập biểu



Huỳnh Thị Trúc

Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tiên Sĩ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009, trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25 tháng 03 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của sở giao dịch chứng khoán TP.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, 144 Châu Văn Liêm, P.11, Q.5, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 25/03/2009 đến 31/12/2009.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngày 29/12/2009 Công ty mới chính thức trở thành thành viên tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Trong năm tài chính 2009, toàn bộ chi phí đầu tư mua sắm tài sản được xem là chi phí đầu tư ban đầu và sẽ được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2010.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí phát sinh trong thời gian trước khi được cấp giấy chứng nhận là thành viên giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (từ 25/03/2009 đến 31/12/2009). Toàn bộ chi phí này Công ty chỉ mới ghi nhận là chi phí thành lập doanh nghiệp và sẽ được phân bổ trong vòng 3 năm bắt đầu từ 2010.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

5372
NG T
HỆM H
TU T
H K
M T
VI
55 C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Tiền mặt	23.042.317	-
Tiền gửi ngân hàng	28.063.699.690	-
<i>Trong đó : Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	21.562.990	-
Cộng	28.086.742.007	-

2. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Cải tạo, nâng cấp văn phòng	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số tăng trong năm	821.715.854	221.242.775	872.395.415	1.915.354.044
Bao gồm:				
- Mua sắm mới	821.715.854	221.242.775	872.395.415	1.915.354.044
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Bao gồm:				
Số dư cuối năm	821.715.854	221.242.775	872.395.415	1.915.354.044
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</i>				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	821.715.854	221.242.775	872.395.415	1.915.354.044

Trong năm tài chính 2009, Công ty chưa trích khấu hao TSCĐ đã đưa vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	3.247.372.266	-
<i>Trong đó:</i>		
+ Hệ thống server	1.582.633.866	
+ Phần mềm giao dịch	1.664.738.400	
Cộng	3.247.372.266	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	353.235.960	-
Chi phí lương nhân viên và các chi phí nhân viên khác	1.871.850.150	-
Chi phí tư vấn phần mềm	245.000.000	-
Chi phí điện thoại, thông tin liên lạc, website	310.157.421	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	256.968.001	-
Chi phí khác	126.497.298	-
Cộng	3.163.708.830	-
<p>Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí phát sinh từ 25/03/2009 đến 31/12/2009 (trong thời gian trước khi được cấp giấy chứng nhận là thành viên giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh) . Toàn bộ chi phí này Công ty chỉ mới ghi nhận là chi phí thành lập doanh nghiệp và sẽ được phân bổ trong vòng 3 năm bắt đầu từ năm 2010.</p>		
6. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	-
Cộng	120.000.000	-
7. Tài sản dài hạn khác	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	192.280.000	-
Cộng	192.280.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Người mua trả tiền trước	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện (*)	466.696.167	-
Cộng	466.696.167	-

(*) Là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ 25/03/2009 đến 31/12/2009 và phí môi giới ngày 31/12/2009, Công ty sẽ kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2010.

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	42.533.350	-
Cộng	42.533.350	-

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Phải trả khác (*)	522.662.990	-
Cộng	522.662.990	-

(*) Trong đó: Cổ đông ứng trước tiền mua cổ phiếu tăng vốn là 500.000.000 đồng.

11. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	25/03/2009	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Cộng	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

KHÔNG PHÁT SINH

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2009	25/03/2009
	VND	VND
Tiền của nhà đầu tư	21.562.990	-
Cộng	21.562.990	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên nên không có số liệu so sánh.

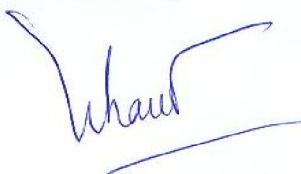
Người lập biểu



Huỳnh Thị Trúc

Lập, ngày 02 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Sĩ

